

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 442/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 10 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Trạm trộn bê tông tươi Hoàng Cát quy mô 9.900 tấn sản phẩm/ngày đêm
tại ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
do Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trạm trộn
bê tông tươi Hoàng Cát quy mô 9.900 tấn sản phẩm/ngày đêm tại ấp 1, xã Nha
Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát
làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 12/PD-ĐTM
ngày 21/01/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
96/TTr-STNMT ngày 07/3/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Trạm trộn bê tông tươi Hoàng Cát quy mô 9.900 tấn sản phẩm/ngày đêm (sau
đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát làm chủ đầu tư (sau đây
gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình
Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi
trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Nha Bích, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-18-QĐPD-09/3).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRẠM TRỘN BÊ TÔNG TƯƠI HOÀNG CÁT QUY MÔ 9.900
TẤN SẢN PHẨM/NGÀY ĐÊM TẠI ÁP 1, XÃ NHA BÍCH,
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY
CỔ PHẦN BÊ TÔNG HOÀNG CÁT LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số ~~...442...~~/QĐ-UBND ngày 10/.../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trạm trộn bê tông tươi Hoàng Cát quy mô 9.900 tấn sản phẩm/ngày đêm.

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát.

Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3801255118 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký lần đầu ngày 17/6/2021.

Trụ sở chính: Ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân Phương, chức danh: Tổng giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 28.694,2 m²; quy mô công suất: 9.900 tấn sản phẩm/ngày đêm.

1.5. Công nghệ của Dự án: Cát, đá dăm, phụ gia, xi măng → Hệ thống tiếp liệu → Hệ thống cân định → Bồn trộn → Phễu rót → Xe chuyên dụng → Vận chuyển đến công trường thi công.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu vực sản xuất và khu thành phẩm, khu vực tập kết nguyên liệu, khu văn phòng, các công trình bảo vệ môi trường, cây xanh cách ly, đường nội bộ, sân bãi và đất trống.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:* Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển lớp bóc tách bề mặt; bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, san nền; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng; khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị; khí thải từ quá trình hàn thi công; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm khí thải phát sinh từ công đoạn sản xuất; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa; nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 03 - 05 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ, NH₄⁺, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 04 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ, NH₄⁺, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Lưu lượng phát sinh khoảng 20,84 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, chất rắn lơ lửng...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai Dự án:

- *Khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển lớp bóc tách bề mặt:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, SO₂, VOC.

- *Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng, san nền:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 1,92 mg/m³.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, SO₂, VOC.

- *Bụi phát sinh từ hoạt động bốc dỡ vật liệu xây dựng:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,0039 mg/m³.

- *Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: TSP, SO₂, NO₂, CO, VOC.

- *Khí thải từ quá trình hàn thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất:* Nồng độ bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất khoảng 1,56 mg/m³ - 2,79 mg/m³.

- *Khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa:* Thường chứa

cácthành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, SO₂, VOC.

- *Khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, SO₂, CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 3,3 kg/ngày chủ yếu là phế thải như xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 423,36 tấn/tháng; thành phần chủ yếu là nguyên liệu rơi vãi như cát, đá, bê tông nhựa nóng...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 40 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 1.833 kg, bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ; thùng chứa dầu nhớt thải; dầu nhớt thải; sơn thải, cặn sơn thải; keo dính thải, cặn keo dính thải; que hàn thải.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 56,4 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; giẻ lau, vải, găng tay dính dầu; bao bì thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Nước thải xây dựng được thu gom vào hố ga lắng tạm là hồ đất, lót bạt HDPE, dung tích 20 m³. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Thu gom và xử lý bằng 06 nhà vệ sinh di động, dung tích bồn chứa nước sạch là 500 lít, dung tích hầm phân là 1.600 lít. Khi các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.



- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại, trong đó 01 bể tự hoại tại khu vực văn phòng có dung tích 03 m³; 01 bể tự hoại tại nhà ăn có dung tích 03 m³. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 05 m³/ngày đêm với quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ chứa. Nước thải xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó tái sử dụng cho quá trình sản xuất bê tông.

Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 05 m³/ngày.đêm như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Bể điều hòa	02 x 1,5 x 01	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Bể anoxic	1,5 x 0,4 x 01	01	
3	Bể aerotank	1,5 x 1,5 x 01	01	
4	Bể lắng sinh học	1,5 x 01 x 01	01	
5	Bể khử trùng	1,5 x 0,4 x 01	01	
6	Hồ chứa	3,2 x 3,2 x 2,5	01	

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải vệ sinh phương tiện, thiết bị sản xuất:* Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hồ lắng sơ cấp 1 → Hồ lắng sơ cấp 2 → Hồ lắng thứ cấp → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể lắng 3 → Bể chứa nước để tái sản xuất. Nước thải xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, sau đó tái sử dụng cho rửa bồn, thiết bị và xe chuyên chở bê tông...

Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Khu vực hứng nước vệ sinh thiết bị sản xuất và phương tiện vận chuyển	4,3 x 2,9 x 0,5	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Hồ lắng sơ cấp 1	3,45 x 4,3 x 01	01	
	Hồ lắng sơ cấp 2	1,6 x 01 x 01	01	
3	Hồ lắng thứ cấp 2	1,5 x 01 x 01	01	
4	Bể lắng 1	03 x 2,7 x 02	01	
5	Bể lắng 2	03 x 2,7 x 1,7	01	
6	Bể lắng 3	03 x 2,7 x 1,6	01	
7	Bể chứa nước	02 x 04 x 3,14	01	

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi tái sử dụng cho rửa bồn, thiết bị và xe chuyên chở bê tông...; nước thải sinh hoạt phải xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó tái sử dụng cho quá trình sản xuất bê tông. Nước thải phát sinh từ Dự án được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, không thải ra môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động san lấp, san nền và bốc dỡ nguyên vật liệu:* Che chắn khu vực san gạt so với xung quanh bằng các tấm bạt hoặc tôn cao 03 m, các khu vực thi công có các biển thông báo khu vực đang thi công; phun nước tại công trường nơi có đông mật độ xe vận chuyển vật liệu san nền; các loại xe chuyên chở phải được che chắn, phủ bạt để tránh bụi phát tán trong quá trình di chuyển; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển:* Tất cả các phương tiện, thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng tại khu vực Dự án phải đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc thi công cơ giới không hoạt động quá công suất thiết kế; định kỳ kiểm tra kỹ thuật và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; phân phối xe vận chuyển ra vào khu vực Dự án và điều tiết các máy móc làm việc phù hợp...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục công trình:* Bố trí kho bãi để lưu chứa vật liệu xây dựng, lán trại cho công nhân thi công xây dựng; phun nước tưới ẩm làm giảm bụi, dùng bạt che chắn phần đất đã đào lên; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn:* Ngăn cách khu vực thi công với khu vực xung quanh bằng các tấm ngăn; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.3. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất:* Chủ Dự án lắp đặt 12 hệ thống xử lý khí thải (09 hệ thống tại tháp chứa liệu và 03 hệ thống tại khu vực cân xi măng) để thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Dự án. Quy trình công nghệ của mỗi hệ thống xử lý

khí thải như sau: Bụi, khí thải → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 25 m, đường kính 0,5 m).

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển*: Bố trí lịch ra vào cho các xe lưu thông một cách hợp lý; các xe vận chuyển phải được kiểm định đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải; không được nổ máy liên tục khi giao nhận hàng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với $k_v = 1,2$; $k_p = 1,0$. Đồng thời, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.2. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Các loại chất thải như đất, đá, cát thải... được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; các loại chất thải rắn khác được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị 02 thùng chứa rác HDPE, dung tích 240 lít, có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.3. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị các thùng chứa HDPE, dung tích từ 40 lít – 240 lít, có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Được thu gom, lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 15 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, dung tích khoảng 20 lít - 220 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích 30 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE dung tích 20 lít - 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 30 m², kết cấu: nền bê tông, mái lợp tôn, tường vách bằng tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*: Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông; hạn chế bóp còi khi đi qua khu vực dân cư tập trung và trong công trường xây dựng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn nhằm khống chế phát sinh tiếng ồn; lắp đặt thiết bị giảm ồn; nhắc nhở, khuyến khích tài xế không quá lạm dụng còi xe...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố đối với bể tự hoại*: Xây dựng bể tự hoại đúng kích thước đã được tính toán, đảm bảo chứa đủ nước thải sinh hoạt của công nhân;



định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý để ngăn ngừa các sự cố tắc nghẽn, tràn nhà vệ sinh xảy ra; trường hợp xảy ra sự cố phải liên hệ đơn vị có chức năng đến để thu gom kịp thời lượng nước thải có trong các bể chứa, nhằm hạn chế phát tán ra bên ngoài.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:*
Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ; huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:*

Các biện pháp phòng ngừa: Các thiết bị được lắp đặt 02 bộ hoạt động luân phiên; các thiết bị hư hỏng sẽ được sửa chữa ngay và lắp đặt vào hệ thống xử lý khí thải để tiếp tục hoạt động; kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên; trong những trường hợp có sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn...

Biện pháp ứng phó: Chủ Dự án tạm ngưng sản xuất nếu hệ thống xử lý khí thải ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả; nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi hệ thống xử lý khí thải trước khi đưa hệ thống xử lý khí thải vận hành trở lại...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải;
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại;
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, tiếng ồn, TSP, SO₂, CO, NO₂.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, amoni (tính theo N), photphat (tính theo P), tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3.2. Giám sát nước thải sản xuất:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, NO₃⁻, photphat (tính theo P), đồng, kẽm, sắt, dầu mỡ khoáng.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.3.3. Giám sát bụi, khí thải:



- *Vị trí giám sát:* Tại 12 ống khói của hệ thống xử lý khí thải.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, CO, NO_x, SO₂.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần
- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số k_v = 1,2; k_p = 1,0.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

5.3.4. Giám sát nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại giếng khoan của Dự án;
- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe tổng, nitrat, nitrit, Cl⁻, amoni, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải, khí thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải, khí thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Thực hiện việc trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 52/MT-UBND ngày 01/12/2021 của UBND xã Nha Bích về việc ý kiến tham vấn về Dự án Trạm trộn bê tông tươi Hoàng Cát quy mô 9.900 tấn sản phẩm/ngày đêm tại ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 01/12/2021 tại ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

